

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt T và ông Nguyễn Văn T.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu D, xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu D, xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2016 tại UBND xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về sống và làm việc tại xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, Hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không Hạnh phúc. Mâu thuẫn có được hai bên gia đình hoà giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên chị và anh T đã sống ly

thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/10/2016; Trần Thị Bảo Y, sinh ngày 23/11/2019. Hiện nay 2 con chung đang ở cùng anh T và mẹ đẻ anh T tại khu D, xã P, huyện Cẩm Khê. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2. *Phía bị đơn anh Trần Văn T*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh T đến làm việc nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, do vậy hồ sơ không thể hiện quan điểm của anh T.

3. *Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 24/6/2024 bà Hà Thị Nga (mẹ đẻ anh T) trình bày*: Anh T là con trai bà, chị H là con dâu. Chị H và anh T được kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị ở chung cùng bà tại khu D, xã P, huyện Cẩm Khê. Quá trình chung sống, chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn do 2 bên không thấu hiểu, thông cảm cho nhau trong cuộc sống dẫn đến tranh cãi bất hoà, từ tháng 8 năm 2023 đến nay chị H và anh T đã sống ly thân. Gia đình bà nhiều lần cố gắng hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T bà đã nghe chị H và anh T nói chuyện. Hiện nay anh T đang làm thuê tại Hà Nội, có gọi điện thoại nói với bà là đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng không về Toà án làm việc. Các văn bản tố tụng Toà án tổng đạt bà nhận thay và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/10/2016; Trần Thị Bảo Y, sinh ngày 23/11/2019. Hiện nay 2 cháu đang ở cùng bà Nga, bà Nga đã chăm sóc 2 cháu từ khi các cháu còn nhỏ cho đến nay. Khi chị H và anh T ly hôn, bà Nga đề nghị Toà án giao 2 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nga sẽ tiếp tục hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc các con chung.

4. *Nguyên vọng của con chung*: Tại bản tự khai ngày 23/8/2024 cháu Trần Khánh D có nguyện vọng ở cùng với anh Trần Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có

mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Trần Văn T

Về con chung: Giao con chung Trần Khánh D, sinh ngày 10/10/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Trần Thị Bảo Y, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu D, xã P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Văn T kết hôn ngày 23/8/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND P, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị H, bà Nga mẹ anh T và xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T tại UBND xã P thì xác định được Hôn nhân của chị H và anh T đã có mâu thuẫn từ nhiều năm nay, do 2 bên không tin tưởng tôn trọng yêu thương nhau. Hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề anh T đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, thể hiện anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Hà anh T có 02 con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/10/2016; Trần Thị Bảo Y, sinh ngày 23/11/2019. Khi ly hôn chị H đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày về con chung.

Thực tế hiện nay chị H và anh T đều đi làm và gửi các con cho mẹ đẻ anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù anh T không có quan điểm xin nuôi con nhưng xét thấy nguyện vọng của cháu D muốn được ở cùng anh T. Hơn nữa hiện nay cháu D đang ở cùng bà Nga mẹ anh T, anh T vẫn có trách nhiệm gửi tiền về nuôi con. Tuy nhiên nếu giao cả 02 con chung cho 1 người nuôi dưỡng chăm sóc sẽ không đảm bảo về điều kiện nuôi con. Do vậy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con chung cần giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Trần Văn T

[2]. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Khánh D, sinh ngày 10/10/2016. Giao cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Bảo Y, sinh ngày 23/11/2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004878 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Việt D